

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐÁP ỨNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
VIÊN CHỨC TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II, TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III BỆNH VIỆN PHỤ SẢN THANH HÓA NĂM 2025**

(Kèm theo Thông báo số: 700/TB-HĐXTH ngày 20 tháng 08 năm 2025 của Hội đồng xét thăng hạng CDNN viên chức)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
I	Điều dưỡng hạng IV lên Điều dưỡng hạng III															
1	Bùi Thúy An	08/09/1995		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Phụ III	4 năm 8 tháng	2,41	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
2	Lê Thị Minh Anh	09/12/1991		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
3	Lê Thị Lan Anh	15/08/1991		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Điều trị tự nguyện	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
4	Hoàng Thị Bích	26/02/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
5	Nguyễn Thị Bình	19/05/1987		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Phụ II	12 năm 5 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
6	Vương Thu Chính	15/02/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	11 năm	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
7	Nguyễn Thị Chung	04/04/1991		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	5 năm 7 tháng	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
8	Nguyễn Văn Đồng	19/11/1988	x		Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Giải phẫu bệnh	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
9	Mai Thị Dung	16/10/1991		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Sản II	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
10	Nguyễn Thị Dung	22/06/1989		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	11 năm	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
11	Nguyễn Thị Dung	20/11/1991		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Phụ III	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
12	Nguyễn Thị Dung	16/08/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Phụ II	11 năm	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
13	Mai Thị Dung	12/04/1982		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Phụ II	13 năm 5 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
14	Bùi Thị Duyên	10/08/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	11 năm	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
15	Nguyễn Thị Thu Hà	01/09/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
16	Hoàng Thị Hà	10/08/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hỗ trợ sinh sản	10 năm 8 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
17	Vũ Thị Hải	27/10/1989		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
18	Nguyễn Thị Hằng	23/02/1975		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	18 năm 7 tháng	4,89	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTXS		V.08.05.12	Đạt
19	Lê Thanh Hằng	11/12/1991		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Sản I	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN	HTT		V.08.05.12	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
20	Hoàng Thị Hằng	15/11/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Phụ I	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
21	Lê Thị Hiền	20/04/1986		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	12 năm 5 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTXS		V.08.05.12	Đạt
22	Nguyễn Phú Hòa	20/11/1985	x		Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có GPHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
23	Nguyễn Thị Hồng	06/06/1982		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức	17 năm 5 tháng	3,96	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
24	Hoàng Minh Khoa	28/08/1990	x		Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTXS		V.08.05.12	Đạt
25	Trịnh Thị Lam	27/11/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
26	Dương Thị Lan	01/08/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
27	Tổng Phương Linh	23/12/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Phòng Kế hoạch tổng hợp	11 năm	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
28	Chu Thị Thanh Loan	21/03/1988		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	11 năm	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
29	Nguyễn Thị Thanh Loan	05/03/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	11 năm	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
30	Dương Thị Mai	03/08/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
31	Doãn Thị Nga	20/04/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
32	Đỗ Thị Nga	02/04/1983		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	12 năm 2 tháng	3,65	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
33	Trần Thị Nga	29/05/1989		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Sản phụ	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
34	Nguyễn Thị Ngát	19/07/1981		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức	5 năm 7 tháng	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
35	Lê Thị Nguyên	20/09/1989		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Sản II	11 năm	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
36	Lê Khắc Nguyễn	18/02/1989	x		Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có GPHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
37	Nguyễn Thị Nguyệt	09/02/1993		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Sản II	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
38	Nguyễn Thị Nguyệt	30/08/1988		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Phụ I	11 năm	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
39	Lê Thị Nhân	03/02/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Điều trị tị nguyên	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
40	Phạm Thị Oanh	17/10/1983		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức	13 năm 5 tháng	3,65	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
41	Nguyễn Thị Phương	05/09/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Sản II	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
42	Trịnh Thị Thu Phương	24/02/1984		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Khám bệnh	13 năm 5 tháng	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
43	Trịnh Thị Phụng	22/10/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	11 năm	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt



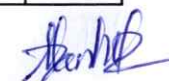
TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
44	Nguyễn Thị Quỳnh	02/03/1983		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Khám bệnh	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
45	Lê Thị Quỳnh	06/05/1990		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
46	Trần Thị Tâm	27/05/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
47	Nguyễn Thị Tâm	14/01/1995		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Phụ II	4 năm 8 tháng	2,41	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
48	Nguyễn Thị Thắm	14/03/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Điều trị tự nguyện	5 năm 5 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
49	Đỗ Thị Hồng Thanh	03/03/1989		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức	11 năm	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
50	Phạm Hữu Thành	20/10/1992	x		Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN	HTT		V.08.05.12	Đạt
51	Đỗ Thị Thảo	30/10/1989		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức	11 năm	3,34	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
52	Trịnh Thị Thi	12/06/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	5 năm 7 tháng	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
53	Nguyễn Thị Thu	17/07/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
54	Trần Thị Thương	02/11/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Sản phụ	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
55	Nguyễn Thị Thúy	12/04/1991		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Sản I	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
56	Đỗ Thị Minh Thúy	16/06/1991		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Phụ II	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
57	Trương Thị Thủy	05/11/1993		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Phòng Điều dưỡng	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
58	Lê Thị Thủy	10/05/1989		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Sản III	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
59	Nguyễn Thị Thu Trang	30/10/1989		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tích cực sơ sinh	5 năm 7 tháng	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
60	Hồ Thị Trang	02/12/1991		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hỗ trợ sinh sản	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
61	Lê Văn Trường	05/03/1988	x		Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức	5 năm 7 tháng	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
62	Lê Ngọc Tùng	26/10/1989	x		Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Thăm dò chức năng	11 năm	3,03	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
63	Lê Thị Tuyến	30/06/1992		x	Kinh	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Phụ II	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.05.13	Cử nhân Điều dưỡng	Có CCHN KCB	HTT		V.08.05.12	Đạt
II Kỹ thuật y hạng IV lên Kỹ thuật y hạng III																
1	Nguyễn Thị Hải	01/06/1989		x	Kinh	Kỹ thuật y hạng IV	Khoa Xét nghiệm	5 năm 7 tháng	3,03	V.08.07.19	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Có GPHN KCB	HTT		V.08.07.18	Đạt
2	Nguyễn Anh Hoa	10/10/1987		x	Kinh	Kỹ thuật y hạng IV	Khoa Xét nghiệm	12 năm 5 tháng	3,34	V.08.07.19	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Có GPHN KCB	HTT		V.08.07.18	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
3	Lê Thị Huyền	18/12/1991		x	Kinh	Kỹ thuật y hạng IV	Khoa Xét nghiệm	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.07.19	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Có GPHN KCB	HTT		V.08.07.18	Đạt
4	Ngũ Thị Thiên Lý	20/08/1991		x	Kinh	Kỹ thuật y hạng IV	Khoa Xét nghiệm	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.07.19	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Có GPHN KCB	HTT		V.08.07.18	Đạt
5	Nguyễn Thị Xuân	02/06/1993		x	Kinh	Kỹ thuật y hạng IV	Khoa Xét nghiệm	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.07.19	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Có GPHN KCB	HTT		V.08.07.18	Đạt
III	Được hạng IV lên Được sĩ (hạng III)															
1	Lê Thị Bích Hằng	25/10/1979		x	Kinh	Được hạng IV	Phòng VTTBYT	17 năm 11 tháng	3,96	V.08.08.23	Được sĩ	Có CCHN Được	HTT		V.08.08.22	Đạt
2	Nguyễn Thị Hoa	26/08/1973		x	Kinh	Được hạng IV	Phòng VTTBYT	25 năm 1 tháng	4,27	V.08.08.23	Được sĩ	Có CCHN Được	HTT		V.08.08.22	Đạt
3	Nguyễn Thị Mận	25/05/1983		x	Kinh	Được hạng IV	Phòng VTTBYT	12 năm 5 tháng	3,34	V.08.08.23	Được sĩ	Có CCHN Được	HTT		V.08.08.22	Đạt
4	Phan Thị Nga	17/03/1992		x	Kinh	Được hạng IV	Phòng VTTBYT	5 năm 7 tháng	2,72	V.08.08.23	Được sĩ	Có CCHN Được	HTT		V.08.08.22	Đạt
5	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	09/09/1985		x	Kinh	Được hạng IV	Khoa Dược	12 năm 5 tháng	3,34	V.08.08.23	Được sĩ	Có CCHN Được	HTT		V.08.08.22	Đạt
6	Đỗ Thị Hoài Thu	04/08/1974		x	Kinh	Được hạng IV	Khoa Dược	27 năm 5 tháng	4,58	V.08.08.23	Được sĩ	Có CCHN Được	HTT	x	V.08.08.22	Đạt
IV	Bác sĩ hạng III lên Bác sĩ chính (hạng II)															
1	Trần Văn Chung	27/03/1969	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Xét nghiệm	16 năm 3 tháng	4,32	V.08.01.03	Bác sĩ CKI	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sĩ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
2	Cao Thị Dung	08/03/1983		x	Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Hỗ trợ sinh sản	13 năm 7 tháng	3,99	V.08.01.03	Thạc sỹ y học	Có CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
3	Phạm Ngọc Dũng	16/03/1984	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Sản phụ	11 năm	3,66	V.08.01.03	Bác sĩ CKI	Có CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTT	x	V.08.01.02	Đạt
4	Bùi Văn Dũng	14/05/1979	x		Mường	Bác sĩ hạng III	Khoa Phụ I	17 năm 8 tháng	4,32	V.08.01.03	Bác sĩ CKII	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
5	Nguyễn Văn Đồng	10/10/1986	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Phòng Kế hoạch tổng hợp	13 năm 7 tháng	3,66	V.08.01.03	Thạc sỹ y học	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
6	Nguyễn Phú Hoàng	10/11/1985	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Phụ III	13 năm 7 tháng	3,66	V.08.01.03	Thạc sỹ y học	Có CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
7	Trịnh Thị Hồng Huế	13/12/1983		x	Kinh	Bác sĩ hạng III	Phòng Quản lý chất lượng	13 năm 7 tháng	3,99	V.08.01.03	Bác sĩ CKII	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
8	Lê Minh Hùng	15/08/1984	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Sản I	13 năm 7 tháng	3,99	V.08.01.03	Bác sĩ CKI	Có CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
9	Hắc Ngọc Hùng	15/05/1985	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Sản phụ	11 năm	3,66	V.08.01.03	Thạc sỹ y học	Có CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
10	Lê Kim Hương	17/11/1977	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Gây mê hồi sức	17 năm 1 tháng	4,32	V.08.01.03	Bác sĩ CKI	Có CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
11	Nguyễn Quốc Khánh	01/05/1985	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	13 năm 7 tháng	3,99	V.08.01.03	Bác sĩ CKI	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sĩ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
12	Lê Văn Khiêm	01/07/1987	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Phụ II	11 năm	3,66	V.08.01.03	Bác sĩ CKI	Có CC bồi dưỡng CDNN Bác sĩ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
13	Trần Võ Lâm	12/11/1981	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Phụ II	13 năm 7 tháng	3,66	V.08.01.03	Bác sĩ CKII	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sĩ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
14	Nguyễn Thành Long	02/06/1987	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Hồi sức cấp cứu sản	11 năm	3,66	V.08.01.03	Thạc sĩ y học	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sĩ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
15	Nguyễn Viết Nam	09/09/1983	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Sản II	13 năm 7 tháng	3,99	V.08.01.03	Thạc sĩ y học	Có CCHN KCB	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
16	Nguyễn Thị Nga	20/11/1986		x	Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Phụ III	13 năm 7 tháng	3,66	V.08.01.03	Thạc sĩ y học	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sĩ chính	HTT	x	V.08.01.02	Đạt
17	Trần Thị Nhung	08/05/1982		x	Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Phụ III	13 năm 7 tháng	3,99	V.08.01.03	Bác sĩ CKII	Có CC bồi dưỡng CDNN Bác sĩ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
18	Nguyễn Đình Quảng	05/03/1986	x		Mường	Bác sĩ hạng III	Phòng Công tác xã hội	11 năm	3,66	V.08.01.03	Thạc sĩ y học	Có CC bồi dưỡng CDNN Bác sĩ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
19	Võ Văn Sơn	27/08/1985	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Gây mê hồi sức	13 năm	3,66	V.08.01.03	Bác sĩ CKI	Có CCHN KCB	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt



TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
20	Lê Đức Sơn	12/09/1979	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Sản III	19 năm 11 tháng	4,65	V.08.01.03	Bác sĩ CKII	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
21	Trần Đình Tài	10/10/1985	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Phòng Quản lý chất lượng	11 năm	3,66	V.08.01.03	Bác sĩ CKI	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
22	Đặng Hồng Thái	12/10/1987	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Phòng Công tác xã hội	11 năm	3,66	V.08.01.03	Bác sĩ CKI	Có CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
23	Trương Ngọc Thiên	20/11/1970	x		Mường	Bác sĩ hạng III	Khoa Sản phụ	19 năm 6 tháng	4,65	V.08.01.03	Bác sĩ CKII	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
24	Trương Văn Tuyên	19/12/1980	x		Kinh	Bác sĩ hạng III	Khoa Thăm dò chức năng	19 năm 2 tháng	4,32	V.08.01.03	Thạc sỹ sản phụ khoa	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Bác sỹ chính	HTXS	x	V.08.01.02	Đạt
V	Điều dưỡng hạng III lên Điều dưỡng hạng II															
1	Lê Thị Hợp	04/09/1982		x	Kinh	Điều dưỡng hạng III	Khoa Phụ III	12 năm 2 tháng	4,65	V.08.05.12	Điều dưỡng CKI sản phụ khoa	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Điều dưỡng hạng II	HTXS	x	V.08.05.11	Đạt
2	Lê Thị Cẩm Tú	19/04/1988		x	Kinh	Điều dưỡng hạng III	Phòng Điều dưỡng	13 năm 7 tháng	3,99	V.08.05.12	Điều dưỡng CKI sản phụ khoa	Có CCHN KCB; CC bồi dưỡng CDNN Điều dưỡng hạng II	HTXS	x	V.08.05.11	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nam	Nữ	Dân tộc	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Khoa, phòng công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN hoặc CCHN KCB (GPHN KCB)	Kết quả đánh giá viên chức năm 2024	Có đề án, công trình	Mã số CDNN dự xét thăng hạng	Kết quả thẩm định
									Hệ số lương	Mã số CDNN hiện giữ						
VI	Dược sĩ (hạng III) lên Dược sĩ chính (hạng II)															
1	Lê Thị Thanh Giang	04/11/1987		x	Kinh	Dược sĩ hạng III	Khoa Dược	13 năm 7 tháng	3,66	V.08.08.22	Dược sĩ CKI	Có CC HN Dược; CC bồi dưỡng CDNN Dược sỹ chính	HTXS	x	V.08.08.21	Đạt
VII	Kế toán viên (hạng III) lên Kế toán viên chính (hạng II)															
1	Hoàng Thị Hồng Thủy	10/04/1985		x	Kinh	Kế toán viên	Phòng Tài chính kế toán	13 năm 7 tháng	3,99	06.031	Thạc sỹ kinh tế	Có Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng, Chứng chỉ bồi dưỡng ngạch Kế toán viên chính	HTXS	x	06.030	Đạt

Danh sách này có 102 người

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 8 năm 2025
TM. HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG


TRƯỞNG PHÒNG TCCB
Vũ Thị Phương